

Chính sách ổn định trật tự kỷ cương, phòng chống tệ nạn xã hội của triều Lê - Trịnh ở vùng Đàng Ngoài

Trịnh Thị Hà*, Nguyễn Thị Thu Hương**

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 7 năm 2024.

Tóm tắt: Trong hai thế kỷ XVII và XVIII, triều Lê - Trịnh đã thực thi nhiều chính sách khác nhau để ổn định và phát triển xã hội, trong đó rất chú trọng đến việc giữ gìn trật tự kỷ cương, phòng chống các tệ nạn xã hội thông qua nhiều biện pháp. Bao gồm: Ban hành chỉ dụ giáo hóa toàn dân; yêu cầu quan viên chăm lo đời sống nhân dân, làm tròn trách nhiệm xử án; xếp đặt quan chức quản lý vùng biên viễn; nghiêm cấm các tệ nạn đánh bạc, uống rượu trong mọi tầng lớp xã hội, phòng trừ trộm cướp. Mặc dù việc thực hiện các biện pháp này diễn ra trong bối cảnh triều Lê - Trịnh phải đối mặt với nhiều khó khăn bởi nội chiến với họ Nguyễn ở Đàng Trong, phong trào đấu tranh của nông dân, ảnh hưởng của yếu tố phương Tây nhưng trong chừng mực nhất định, việc làm của nhà nước đương thời đã có tác động tích cực đến việc ổn định trật tự xã hội theo ý thức hệ Nho giáo.

Từ khóa: Triều Lê - Trịnh, tệ nạn xã hội, vùng Đàng Ngoài.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: During the 17th and 18th centuries, the Lê - Trịnh dynasty implemented many different policies to stabilize and develop society, which focused on maintaining order, discipline and preventing social evils through many measures. These include: issue edicts to educate the entire people; requiring the mandarins to take care for people's lives and be strict in judging; reorganizing of officials in border areas; prohibiting gambling and alcohol addiction in all social classes, and prevented theft. Although the implementation of these measures took place in the context of the Lê - Trịnh dynasty had to fronted many difficulties such as the civil war with the Nguyễn lord administration in Cochinchina, peasants' struggle movement and the influence of Western factors but to a certain extent, the actions of the contemporary state had positive impacts on stabilizing society according to Confucian ideology.

Keywords: Lê - Trịnh dynasty, social evils, Cochinchina region.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Thế kỷ XVII, XVIII là hai thế kỷ khá đặc biệt trong lịch sử quân chủ Việt Nam với những biến động to lớn trên nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây cũng là thời kỳ kinh tế hàng hóa có sự khởi sắc, điều kiện giao lưu văn hóa và kinh tế với các nước tư bản phương Tây được mở rộng tạo ra cơ hội để đất nước tiến gần với trình độ văn minh. Sự du nhập ngày càng mạnh mẽ của đạo Thiên chúa từ đầu thế kỷ XVII, cuộc chiến tranh giữa các phe phái diễn ra liên tục không chỉ khiến cho một số chuẩn mực, quy tắc về tư tưởng, đạo đức xã hội theo tinh thần Nho giáo bị xáo trộn, thay đổi, khi quyền lực của vua chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, mà vấn đề bất ổn định về xã hội, các tệ nạn xã hội cũng xảy ra thường xuyên. Trước thực trạng đó, chính quyền Lê - Trịnh đã ban hành, thực thi nhiều chính sách quan

*,** Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Email: trinhha3012@gmail.com; thuhuongvsh@gmail.com

trọng trong đó có các chính sách về gìn giữ trật tự kỷ cương, phòng chống các tệ nạn xã hội nhằm góp phần ổn định đời sống nhân dân, qua đó tăng cường hơn nữa vai trò quản lý của Nhà nước theo ý thức hệ Nho giáo.

Viết về vấn đề xã hội nói chung, chính sách ổn định trật tự, kỷ cương xã hội nói riêng dưới triều Lê - Trịnh đã nhận được sự quan tâm của khá nhiều nhà nghiên cứu. Một số nội dung cụ thể về thực trạng cùng các biện pháp của triều đình đương thời liên quan đến vấn đề này đã được phản ánh qua một số công trình nghiên cứu khi tìm hiểu về xã hội vùng Đàng Ngoài dưới nhiều dạng thức khác nhau (bài viết, công trình chuyên khảo, luận văn, luận án). Trong các công trình: “Bối cảnh lịch sử Đại Việt vào thời kỳ Trịnh - Nguyễn” (2008) của Nguyễn Minh Tranh, “Về tình hình chính trị, xã hội thời Trịnh Tùng cầm quyền” (2008) của Nguyễn Đức Huệ đã phân tích sự phức tạp của xã hội Đàng Ngoài trên ba khía cạnh: nội chiến Nam - Bắc triều, hoạt động của dư đảng nhà Mạc, sự phân liệt Đàng Ngoài - Đàng Trong cùng sự biến đổi sâu sắc của thiết chế chính trị vua Lê - chúa Trịnh. Theo các tác giả, các cuộc nội chiến kéo dài bởi sự “vỡ vết đến tận cùng xương máu và mồ hôi của nhân dân Đàng Ngoài, Đàng Trong” khi nạn bắt lính diễn ra liên tục, lại thiếu sự quan tâm của Nhà nước đã làm cho đời sống người dân vô cùng cực khổ, xã hội Đàng Ngoài bất ổn định, đòi hỏi Nhà nước phải thi hành các chính sách cụ thể để ổn định trật tự xã hội, cải biến cuộc sống của người dân. Theo các tác giả Trần Thị Vinh (1998), Nguyễn Minh Tường (2014), Nguyễn Đức Huệ (2016), một số chính sách an dân mà triều Lê - Trịnh đã thực hiện như: cắt đặt lại các sở Tuần sát ở các địa phương, thực hiện giảm tô, giảm thuế ruộng tư, chiêu tập dân lưu tán về quê làm ăn sinh sống; đào tạo tuyển chọn đội ngũ quan lại qua khoa cử; tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện chính sách phủ dụ, mua chuộc tầng lớp tù trưởng ở vùng biên giới..., tuy các biện pháp đó chưa thực sự “cứng rắn” nhưng ít nhiều đã góp phần quan trọng vào sự ổn định trật tự trị an của xã hội trong thời gian nhất định. Trong các nghiên cứu của Trần Khánh (2001); Hoàng Văn Lân, Lê Bá Vương (2008); Nguyễn Thị Thanh Tùng, Phạm Ngọc Trang (2014); Trần Xuân Thanh (2015) cho biết ở vùng Đàng Ngoài, ngoài cư dân người Việt còn có sự tồn tại đan xen của người nước ngoài (chủ yếu người Hoa, phương Tây) ít nhiều ảnh hưởng đến vấn đề trị an ở địa phương họ sinh sống. Thực tế đó đặt ra cho triều Lê - Trịnh phải có chính sách xã hội phù hợp trong việc ổn định sự định cư, truyền giáo, nhất là kiểm soát chặt chẽ ảnh hưởng của họ trong hoạt động giao thương, buôn bán.

Do sự bất ổn định về mặt chính trị, xã hội Đàng Ngoài xuất hiện ngày càng nhiều các tệ nạn xã hội: tham nhũng, cờ bạc, trộm cướp... Trong các nghiên cứu của Thanh Huyền (1996), Phan Ngọc Huyền (2017), Trần Hồng Nhung (2017) đã đi sâu làm rõ thực trạng, hệ quả, nguyên nhân và biện pháp chống tệ cường hào của làng xã đồng bằng Bắc Bộ, tệ tham nhũng trong đội ngũ quan lại thế kỷ XVIII - XIX. Tác giả Lê Quang Chấn trong: “Chính sách xã hội của triều Nguyễn (giai đoạn 1802-1884)” (2015) đã đề cập một phần khái quát các chính sách xã hội của triều Lê - Trịnh thông qua trình bày, phân tích khái quát về những chính sách cứu trợ xã hội, các biện pháp phòng chống tệ cờ bạc, rượu chè, đồng cốt....

Như vậy, một số khía cạnh của xã hội, chính sách ổn định trật tự kỷ cương, phòng chống các tệ nạn xã hội của triều Lê - Trịnh đã được phản ánh trong khá nhiều công trình nghiên cứu. Tuy chưa phản ánh toàn diện về tất cả các biện pháp đã thực thi của Nhà nước phong kiến, trong đó có việc ban giáo hóa giáo dục dân chúng, các biện pháp phòng ngừa tệ cờ bạc, đồng cốt, các hình thức xử phạt người vi phạm..., nhưng kết quả nghiên cứu của các công trình trên đây không chỉ là nguồn tài liệu tham khảo kế thừa có giá trị, mà còn gợi mở cho tác giả bài viết một số nội dung cần làm rõ hơn khi tìm hiểu về các biện pháp ổn định xã hội, giữ gìn trật tự kỷ cương của triều Lê - Trịnh.

2. Khái quát tình hình xã hội vùng Đàng Ngoài

Thế kỷ XVII, XVIII là thời kỳ mà mâu thuẫn trong nội bộ các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt nhất. Cục diện Nam - Bắc triều vừa kết thúc thì đất nước lại rơi vào một cuộc chiến tranh mới giữa chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Kết quả là sau 45 năm (1627-1672) giao tranh không phân thắng bại, hai bên quyết định lấy sông Gianh làm ranh giới phân định khu vực thông trị, trong đó vùng đất Đàng Ngoài từ phía Bắc sông Gianh trở ra thuộc quyền cai quản của vua Lê, chúa Trịnh. Bản thân chính quyền Đàng Ngoài lại tồn tại theo định chế chính trị: triều đình của vua Lê và phủ chúa của họ Trịnh, mà vua Lê chỉ là hư vị, còn chúa Trịnh mới “thực quyền”. Chúa Trịnh mới chính là “những người thực sự điều hành nền nội chính” (Lê Kim Ngân, 1974: 211-212). Hệ quả quan trọng nhất của cục diện này đã khiến cho đời sống xã hội bất ổn định, khi nhiều địa phương trở thành chiến địa diễn ra các cuộc giao tranh ác liệt giữa đội quân của hai dòng họ Trịnh - Nguyễn, nhất là ở khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình¹. Chiến sự xảy ra tại các địa phương không chỉ tàn phá xóm làng, đồng ruộng ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế của người dân, mà đó còn là nguyên nhân làm cho hiện tượng “binh dịch” tăng lên khi người nông dân bị bắt gia nhập quân đội, tham gia chiến trận.

Do bận nội chiến nên trong thời gian khá dài, chính quyền Lê - Trịnh không có điều kiện để chăm lo tới đời sống của mọi giai tầng trong xã hội, nhất là người nông dân ở các làng xã. Lợi dụng cơ hội đó, các địa chủ, cường hào ở các địa phương đã ra sức bóc lột, chiếm đoạt ruộng đất, tô thuế của người nông dân, tàn phá kinh tế nông nghiệp. Đây là nguyên nhân dẫn đến thực trạng các cuộc khởi nghĩa của nông dân chống lại triều đình xảy ra từ rất sớm, liên tục và kéo dài. Từ thế kỷ XVII trở đi, nhất là thế kỷ XVIII, các cuộc bạo động của nông dân nổ ra liên tiếp và lan rộng hầu khắp cả vùng Đàng Ngoài, rầm rộ nhất từ giai đoạn 1738 - 1752, với các cuộc khởi nghĩa: Dương Hung ở Sơn Tây (năm 1737); Lê Duy Mật (1738-1770) trên địa bàn từ Thanh Hóa, Nghệ An; khởi nghĩa Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cừ ở trấn Hải Dương (1739-1741), khởi nghĩa của Nguyễn Toàn Cơ, Nguyễn Danh Phương (1740-1751)... Cùng với đó là những hình thức đấu tranh khác như: *Phỉ báng thời chính, bài xích hữu ty* treo khắp ngã đường, hoặc trong dân gian sáng tác những chuyện nôm truyền miệng có nội dung chống đối chính quyền. Trước những cuộc khởi nghĩa này, một mặt triều đình vất vả lo củng cố quân đội để mở rộng cuộc đàn áp, đẩy mạnh chính sách mộ binh; mặt khác để góp phần xoa dịu nhân dân, triều đình thực thi các chính sách cứu trợ nhằm ổn định lòng dân. Đây là nền tảng xã hội quan trọng để các chính sách xã hội của triều Lê - Trịnh ra đời.

Thế kỷ XVII, XVIII là thời kỳ kinh tế thương mại có bước phát triển khi đã hình thành mạng lưới chợ rộng rãi gồm cả thành thị, nông thôn. Tính riêng vùng Thăng Long, theo tác giả Phan Huy Chú đã có tới 8 chợ lớn phải nộp thuế da trâu (Phan Huy Chú, 2006, t.2: 83). Một vài đô thị lớn ra đời, trở thành trung tâm buôn bán sầm uất như Thăng Long - Kẻ Chợ, Phố Hiến, Vân Đồn với sự tập trung đông đúc của đông đảo bộ phận người Hoa thương, thương nhân phương Tây, người Nhật Bản. Sự xuất hiện của thương nhân phương Tây cùng sự xuất hiện và tồn tại kéo dài “vài chục năm của các thương điểm của Công ty Đông Ấn Hà Lan (1645-1699), Công ty Đông Ấn Anh (1683-1697) ở Thăng Long như một đại lý thu mua nguyên liệu và hàng hóa, đã đóng vai trò kích thích, thúc đẩy các luồng hàng hóa từ các địa phương thuộc Tứ trấn chuyên về Kinh thành” (Nguyễn Thị Phương Chi, 2008: 47) không chỉ góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế thương mại phát triển, mà còn có ảnh hưởng nhất định trong việc giao lưu, truyền bá văn hóa, và ổn định xã hội.

¹ Trong 18 năm (1655-1663), nhiều cuộc giao tranh của quân đội hai bên Trịnh - Nguyễn đã xảy ra tại các huyện của Nghệ An, gồm: Kỳ Hoa, An Trường, Chân Phúc (sau là Nghi Lộc), Đông Thành, Nam Đàn, Hương Sơn, Lận Sơn (Nghị Xuân).

Sự bất ổn định về chính trị, sự du nhập ngày càng mạnh mẽ yếu tố tư bản chủ nghĩa ở vùng Đàng Ngoài thế kỷ XVII, XVIII đã dẫn đến hệ quả đời sống xã hội tri an gặp nhiều bất ổn. Hiện tượng tranh chấp, kiện tụng xung quanh vấn đề tài sản, ruộng đất giữa các xóm làng xuất hiện tràn lan, phiền phức. Tệ nạn trộm cướp xảy ra ở nhiều nơi. Trong đời sống tín ngưỡng của người dân, các hiện tượng cô đồng, bói toán ngày càng trở nên phổ biến. Đặc biệt sự xuất hiện của đông đảo các giáo sĩ phương Tây đến truyền giáo, các thương nhân nước ngoài đến buôn bán ngày càng đông không chỉ là mối nguy cơ đe dọa đến nền an ninh của dân tộc mà đặt ra cho triều Lê - Trịnh phải thực thi các chính sách về định cư, dân sinh của họ.

3. Chính sách củng cố trật tự kỷ cương xã hội

Ban hành chỉ dụ giáo hóa toàn dân: Để đảm bảo xã hội có trật tự, kỷ cương, trước hết triều Lê - Trịnh luôn chú trọng đến chính sách quản lý xã hội bằng biện pháp đức - lễ theo học thuyết Nho giáo như thời Lê sơ khi nhiều lần ban các chỉ dụ nhắc lại các điều giáo hóa hoặc ban điều giáo hóa mới trong phạm vi cả nước.

Năm 1663, triều Lê - Trịnh đã “nhắc rõ lại 47 điều giáo hóa”² khẳng định lại những nguyên tắc cơ bản của đạo lý “Tam cương, Ngũ thường” để dân chúng khắc nhớ và tuân theo. Trong đó, triều đình chú trọng đến cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ: bề tôi phải trung thành với vua, người con phải có hiếu với cha mẹ, anh em hòa thuận, vợ chồng tôn trọng, thủy chung. Mở rộng hơn trong mối quan hệ xã hội, triều Lê - Trịnh nhấn mạnh một xã hội có trật tự, kỷ cương khi các thành viên trong làng xã phải chuẩn theo phong hóa, làm tròn trách nhiệm, công bằng: “Nhu ở trong hương đảng phải lớn nhỏ có trật tự, lấy điều lễ nghĩa liêm xỉ cùng dạy bảo nhau, không được cậy nhà giàu thế mạnh khinh nhờn xã trưởng, ức hiếp người cô quả”; “làm chức hương trưởng trong làng phải công tâm làm gương mẫu cho dân; ở trong hương đảng đàn ông không được bung thói hung hãn, vô cớ đánh người; đàn bà không được chua ngoa lớn tiếng chửi rủa hàng xóm, cùng là không được chơi bời dâm dăng, trộm cắp của cải, đồ vật; hoặc làm người phải giữ đạo cương thường, không được mê hoặc dị đoan; trai gái không được bừa bãi thói dâm; nhà trọ nên đề phòng kẻ gian mà không được cự tuyệt người đến ngủ trọ...” (Nguyễn Sĩ Giác, 1961: 290-291). Để những điều giáo hóa này đi sâu vào đời sống quần chúng, triều đình yêu cầu các nha môn Thừa, Hiến phủ, châu huyện đều phải sao ra một bản treo ở nơi làm việc và chuyển gửi cho các xã dân sở thuộc yêu cầu họ viết ra bảng treo ở trong đình làng để cứ đến ngày có việc làng thì hội họp con trai con gái lớn nhỏ đến giảng giải hiện thị, để được tai mắt thấm nhuần, biết sự khuyên răn. Năm 1669, triều đình đặt ra 18 điều chính sự tốt nên làm. Năm 1720, Trịnh Cương ban thập điều (10 điều) uốn nắn dân chúng cả trong những mặt sinh hoạt như ăn mặc, lễ bái, cưới xin, ma chay. Năm 1767 khi ban 6 điều răn bảo thần dân, điều thứ 6 triều đình yêu cầu người dân trăm họ nên giữ gìn luân thường siêng năng nghề nghiệp... Những điều giáo huấn là những nguyên tắc ứng xử chuẩn mực của đạo đức truyền thống dân tộc và luân lý Nho giáo để răn dạy nhân dân, qua đó triều Lê - Trịnh muốn phát huy yếu tố văn hóa cùng vai trò, phương thức giáo dục của luật pháp với quan điểm thay thế hình phạt bằng các tập tục tốt đẹp.

Nêu cao trách nhiệm của người làm quan: Một xã hội thực sự có trật tự, kỷ cương khi đời sống nhân dân được ổn định, sống hòa thuận, không tranh giành, kiện cáo lẫn nhau. Bởi vậy, triều Lê - Trịnh đã yêu cầu chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở phải quan tâm đến đời sống của nhân dân, thực thi các chính sách kinh tế, xã hội để hỗ trợ khi họ gặp

² *Tam cương:* Tam là ba, cương là giềng mối. *Tam cương* là ba giềng mối quan hệ *quân - thần* (vua - tôi), *phụ - tử* (cha - con), *phu - phụ* (chồng vợ). *Ngũ thường:* ngũ là năm, *thường* là hằng có. *Ngũ thường* là năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*.

cảnh khó khăn, không phân biệt vùng miền, thành phần dân tộc. Năm 1596, khi vua Lê trở về Kinh đô Thăng Long đã hạ lệnh cho phủ, huyện, tổng, xã các xứ trong nước, nơi nào trải qua binh lửa, nhân dân xiêu tán, thì cho về làm ăn, tha phu dịch trong 3 năm. Nhưng quan địa phương phần nhiều những nhiều, hà khắc bạo ngược, dân nhiều người vẫn phải xiêu tán, chưa được an cư, lạc nghiệp (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993: 194).

Đối với những vùng bị giặc cướp hoành hành, triều đình đều nhắc nhở các quan địa phương phải đưa quân đi dẹp loạn nhằm giữ yên ổn cho cuộc sống thường nhật của người dân. Từ năm 1739, triều đình cho đặt “Hương binh” ở vùng Tứ trấn (Sơn Nam, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây), cho chọn ngạch lính trong dân đinh để làm người chỉ huy, thay cho viên Khán thủ của mỗi làng. Đồng thời đặt phép “Đoàn kết”, theo pháp này: mỗi xã cứ 10 đinh lấy 7 cho tự sắm binh khí đặt điểm canh giữ. Tùy theo địa phận tiếp nhau, hoặc 4, 5 xã hoặc 6 xã kết làm 1 đoàn, chọn một thủ dịch hoặc huyện lại làm đoàn trưởng đốc suất Khán thủ các xã chỉ huy các đinh nam, khi có việc thì tùy nghi đánh hoặc phòng ngự. Khi không đánh nổi thì phải báo cho đoàn khác tiếp ứng. Bởi thế dân gian nơi nào cũng có binh khí (Đại Việt sử ký tục biên, 1991: 158).

Chính quyền Lê - Trịnh rất chú trọng đến việc cắt cử quan viên có năng lực đảm trách trông coi, xét xử công bằng, dạy dỗ dân chúng ở các vùng bất ổn định nhất là vùng “phên dậu”, định thưởng chức quan cho người dân bắt được thủ lĩnh các cuộc bạo loạn, hoặc sai các võ quan có năng lực đi dẹp loạn. Năm 1639, chúa Trịnh Tráng cho rằng, kỷ cương của thiên hạ cốt ở việc công bằng khám xét kiện tụng và dẹp bắt trộm cướp, vì vậy đã sai nhiều quan đại thần cùng với tôn thất trong triều đình chia đi trấn trị ở các xứ, cử Phạm Công Trứ làm Tán lý cùng Trịnh Tạc đến vùng đất Sơn Nam; Nguyễn Trùng làm Tán lý cùng Trịnh Lịch trấn giữ trấn Sơn Tây; Nguyễn Bình làm Tán lý cùng Trịnh Lê đến xứ Kinh Bắc; Nguyễn Nhân Trứ làm Tán lý cùng Trịnh Sầm đến trấn giữ xứ Hải Dương,... Khi đến các địa phương, các quan này đều cùng với Thừa ty sửa đổi tệ trước, vỗ yên dân địa phương.

Nhà nước rất coi trọng phân công trách nhiệm xử án cụ thể cho chính quyền cơ sở cũng như giải quyết án cho các đối tượng liên quan. Theo đó, khi người dân gặp phải các vụ án oan, chính quyền xã cần giải quyết những vấn đề tranh chấp khiếu nại đơn giản nhất trong nội bộ làng xã, đồng thời họ phải có trách nhiệm liên đới đối với các phạm nhân có quê gốc ở xã đó. Nếu không giải quyết được phải giao ngay cho quan phủ, huyện đảm trách, bởi quan phủ, huyện là những người nắm giữ cả quyền hành pháp lẫn tư pháp. Quy định là như vậy, trên thực tế trong việc thi hành luật, nhất là trong các vụ xét xử luôn bộc lộ hạn chế bởi tệ hối lộ, tham nhũng trong bộ phận quan xử án: “Tham nhũng hối lộ đã bám chặt vào mọi cấp tòa án. Không có tội phạm nào mà không thể dùng tiền bạc dàn xếp thỏa hiệp. Cũng không có vụ kiện tụng mà những phán quyết đòi hỏi không thể mua bán được. Vậy thì, các quan tòa luôn luôn quyết định có lợi cho những người giàu hoặc có thế lực nhất, những trường hợp ngoại lệ là rất hiếm, không đáng kể” (Nguyễn Thừa Hỷ, 2010: 99). Để khắc phục, triều Lê - Trịnh ban lệnh yêu cầu các quan thi hành án phải làm đúng chức trách trong việc nhận đơn khiếu nại, xử đúng người đúng tội. Lệnh ban năm 1665 nêu rõ: các Ty xét kiện trong kinh ngoài trấn: nếu xét kiện có xử án người nào thì kê rõ từng loại tội, đến tội đến xử tử thì giao xuống xét lại rồi mới thi hành. Tội chặt chân, phạt trưởng thì được tùy tiện thi hành, không để án đọng lại (Nguyễn Sĩ Giác, 1961: 272). Trong trường hợp đã xét xử đúng sự việc mà có kiện cáo hoặc xin xét lại không đúng, thì bị xử phạt bằng tiền.

Đối với người dân, nhà nước nghiêm cấm và nghiêm trị họ không được làm đơn truyền, văn lệnh giả hoặc tung lời bậy bạ nhằm phỉ báng chính sự, gây ảnh hưởng ổn định xã hội. Chỉ dụ năm 1712 nêu rõ: “Cấm dân gian làm đơn truyền văn lệnh chỉ giả mạo, cần rõ đặt lời phao đồn và viết giấy rải, dán dọc đường phỉ báng chính sự đương thời, bài xích, dị nghị các nhà chức trách” (Đại Việt sử ký tục biên, 1991: 66).

Xếp đặt quan chức quản lý vùng biên viễn: Trong chính sách tộc của triều Lê - Trịnh rất coi trọng việc giữ gìn, bảo vệ các địa phương vùng biên giới, phen dậu. Do đó từ năm 1721, triều đình hạ lệnh đặt dịch lệ (trạm) ở một số địa phương Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa..., quy định chiếu theo hạn định đi một ngày đường thì đặt một trạm. Theo quy định trên, từ ải Trình Lạn, châu Thủy Vĩ đến trang Bạch Lãn giáp xã Văn An, huyện Hạ Hòa, trấn Sơn Tây đặt 16 trạm dịch. Ở Tuyên Quang đặt trạm dịch từ xã Thúc Thủy là lý sở trấn Tuyên Quang đến xứ khe Tham thổ, thuộc xã Tụ Long, châu Vị Xuyên. Các trạm này không chỉ có ý nghĩa về giao thông mà còn có ý nghĩa về việc bảo vệ biên cương biên giới.

Triều Lê - Trịnh thường tổ chức quân đội dẹp tan ý định chống đối của các tù trưởng dân tộc thiểu số. Thời kỳ này trong cơ cấu tổ chức chính quyền cấp địa phương ở vùng biên giới - nơi cư trú của đồng bào thiểu số, Nhà nước không quản lý trực tiếp mà thường giao cho Trấn thủ các trấn kiêm lãnh, hay giao cho một cận thần trong triều phụ trách, thông qua thổ tù của họ để quản lý (Nguyễn Minh Tường, 2014: 61). Chính sự quản lý không chặt chẽ này đã tạo điều kiện để các thổ tù người dân tộc, kể cả những lực lượng đối lập với họ Trịnh như dư đảng họ Mạc, họ Vũ lưu trú ở đây nổi lên chống lại triều đình. Nhiều cuộc nổi dậy đã xảy ra được ghi trong sử sách như: năm 1599 cuộc nổi loạn đánh các động ở Thái Nguyên của Vũ Đức Cung; năm 1686, xảy ra cuộc bạo loạn của người Nùng cướp phá vùng biên giới 2 xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa; năm 1721 thổ tù Đào Mỹ Lâm ở châu Chiêu Tấn đem quân đánh chiếm Lai Châu, đánh phá Quỳnh Nhai; năm 1740 thổ tù phiên trấn Lạng Sơn là Toàn Cơ đem quân đánh phá Đoàn thành (trấn Lạng Sơn); năm 1745 dư đảng họ Mạc tập hợp người dân thiểu số vây Cao Bằng hơn 2 tháng... Trước các cuộc bạo loạn, triều Lê - Trịnh đều cử các trọng quan đưa quân để dẹp loạn, góp phần giữ gìn được an ninh, ổn định đời sống người dân nơi biên viễn. Bên cạnh đó, nhà nước cũng tìm giải pháp mang tính “dân sự” để ổn định xã hội vùng biên viễn. Vào năm 1739, các quan trong triều đình đề ra 6 việc nhằm củng cố an ninh vùng phiên dậu, trong đó điều đầu tiên liên quan trực tiếp đến việc thiết lập lại sự ổn định của vùng biên giới thông qua việc lựa chọn người tài giỏi để giữ chức vụ Phiên thần phụ đạo, tránh cầu cạnh. Tuy nhiên, nhà chúa chỉ cho thực hiện 4 điều sau, còn hai điều đầu về phiên tù và trưởng xưởng thì không thực hiện.

So với các thời kỳ Lê sơ, do thực hiện chính sách “mở” nền ngoại thương nên xuất hiện ngày càng đông cư dân người Trung Hoa, Nhật Bản, Giáo sĩ, thương nhân người phương Tây đến để truyền giáo, buôn bán. Đây là bộ phận cư dân có vai trò quan trọng thúc đẩy trao đổi hàng hóa phát triển, đáp ứng nhu thiết yếu cho tầng lớp quý tộc, quan lại nhất là vũ khí cho triều đình Lê - Trịnh. Đặc biệt, các Giáo sĩ phương Tây đã tích cực truyền giáo, hình thành nên một tôn giáo mới là Thiên chúa giáo có tư tưởng đối trọng với học thuyết Nho giáo mà triều Lê - Trịnh đang muốn củng cố nhằm khẳng định vương quyền của mình. Để hạn chế sự ảnh hưởng này, một mặt triều đình cho phép thương nhân lập các thương điểm để tạo ra quan hệ buôn bán nhưng lại nghiêm cấm và kiểm soát chặt chẽ việc đi lại của họ đến sinh sống ở vùng Thăng Long khi vào năm 1687, triều đình ấn định người ngoại quốc không được ở lẫn chốn Kinh kỳ. Từ năm 1717 trở đi, triều đình cho định rõ chế độ khu xử với các khách buôn nước ngoài. Cho phép khách ở địa điểm nào được nhập tịch ở đó nhưng phải chịu tạp dịch, và phải theo thuần phong, mỹ tục của nước ta, từ tiếng nói, ăn mặc đến đầu tóc *đều phải nhất nhất tuân theo*. Với quan niệm đạo Kito (còn gọi đạo Hoa lang) là “đạo lừa phỉnh dân ngu, đàn ông, đàn bà ngu dốt nhiều người tin mộ, chỗ nhà giảng người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998: 300) triều Lê - Trịnh đã nhiều lần ban hành chỉ dụ nghiêm cấm đạo “Hoa Lang” để trục xuất các giáo sĩ Tây Dương ra khỏi nước ta, nhằm củng cố Nho giáo. Đối với người Hoa, lúc đầu triều Lê - Trịnh cho phép họ

được lập làng, tự do đi lại buôn bán, làm ăn ở mức hạn nhất định; về sau vì mục đích an ninh quốc gia, củng cố bản sắc dân tộc, Nhà nước đã kiểm soát tương đối gắt gao đối với việc đi lại, ăn ở và hoạt động kinh doanh của họ.

4. Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội

Sự bất ổn định về mặt xã hội là một trong những điều kiện thuận lợi để các tệ nạn xã hội nảy sinh trong đời sống nhân dân, trong đó nổi bật là tệ nạn đánh bạc, rượu chè, trộm cắp, mê tín dị đoan... Trong khả năng của mình, chính quyền Lê - Trịnh đã áp dụng những biện pháp nhằm ngăn chặn tệ nạn này.

Đối với tệ nạn đánh bạc: Đánh bạc (gồm các trò chơi tổ tôm, bài chòi) là một trong những hoạt động giải trí gắn liền với đời sống sinh hoạt người dân, nhất là trong những dịp tết, tiết lễ, hội hè. Các trò giải trí này không chỉ thu hút dân thường, mà trong bộ phận quan lại cũng rất ham thích. Mặt trái của tệ cờ bạc lại mang tính sát phạt, đồ đen đưa lại cái hại rất lớn về tài sản và các mối quan hệ giữa các thành viên gia đình, nhất là ảnh hưởng đến phẩm hạnh, gia giáo bởi hậu quả của nó. Thậm chí, họ chơi cho đến khi mất tất cả mọi thứ, ngay đến cả áo quần, và không gì có thể ngăn cản được họ (Nguyễn Thừa Hỷ, 2010: 83).

Để ngăn ngừa tệ nạn trên, triều Lê - Trịnh đã ban lệnh cấm mọi tầng lớp trong xã hội không được vi phạm các tệ nạn này. Ai vi phạm, không phân biệt quan lại hay dân thường đều bị xử phạt theo đúng pháp luật, đặc biệt nghiêm khắc trừng trị các quan viên. Theo lệnh dụ ban hành năm 1649, nghiêm cấm các quan viên quyền quý cùng các hạng người ở phố phường trong nội kỳ (kinh đô) không được họp nhau đánh cờ, đánh bạc, đánh bài. Nếu là quan viên bậc quyền quý mà vi phạm và bị bắt quả tang hoặc tố giác sẽ bị phạt tiền hai trăm quan, người ở phường phố mà phạm lỗi này, sẽ phải phạt cổ tiền một trăm quan, lại bị đánh một trăm trượng, cùng là truy thu số tiền tang vật, bắt được ở trong đám cờ bạc, nộp vào kho, để làm gương răn kẻ khác (Nguyễn Sĩ Giác, 1961: 175). Dưới thời Trịnh Căn, cờ bạc, thuốc phiện đã làm băng hoại phẩm chất của một số quan chức địa phương. Để ngăn chặn chúa Trịnh đã sai các quan đi giám sát các nơi và ra lệnh: “Những nhà chứa chấp, và những người đánh bạc đều bị phạt nặng nhẹ theo ngôi thứ và phẩm trật” (*Đại Việt sử ký tục biên*, 1991: 89).

Đối với nạn uống rượu: Cũng như cờ bạc, việc uống rượu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phong hóa, gây mất trật tự xã hội bởi khi người dân gian đắm đuối về chè rượu, họ thường giả thác vào lệ làng, quần tụ nhau uống rượu thả cửa, liên miên không có hạn độ nào. Trước tệ đó, vào năm 1718, triều Lê - Trịnh đã cho định điều lệ ngăn cấm chỉ cho phép việc uống rượu có hạn định trong một số trường hợp cụ thể. Theo chỉ dụ này thì nếu là nhà tư, chỉ những ngày tế tự, có việc hỉ, việc ma chay mới được dùng rượu. Trong làng xã, chỉ khi có việc tế thần cầu phước thì mới được dùng rượu nhưng với mức vừa phải mà thôi. Triều đình cũng nghiêm cấm người nào không có duyên cớ gì mà tụ họp, hoặc ở hàng chợ họp nhau uống rượu, sẽ giải lên quan trị tội, người đứng cáo tố sẽ được thưởng. Quan địa phương nếu không xem xét cấm ngăn sẽ bị luận vào tội theo tình riêng dung túng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2017, t.2: 413). Tuy nhiên, càng nửa sau thế kỷ XVIII, những quy định nghiêm cấm việc uống rượu trước đó đều bị phá bỏ, khi người dân và cả bộ phận quan lại vẫn tham gia uống rượu trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất là khi có tang ma. Bởi theo lệ cũ người có tang từ một năm trở xuống, mặc áo trắng, xỏ tóc, đến khi hết chờ, không dám đi uống rượu chè nhà ai. Bây giờ thì công nhiên họp nhau ăn uống, không khác gì người thường (Phạm Đình Hồ, 1989: 63).

Đối với tệ trộm cướp: Thế kỷ XVII, XVIII do ảnh hưởng của nền kinh tế hàng hóa, cùng với sự phát triển của các đô thị, ảnh hưởng của quá trình di dân đến những vùng đất mới, nhất là ở các đô thị lớn như Thăng Long, Phố Hiến thì các tệ nạn xã hội có điều kiện xuất hiện ngày càng nhiều, gồm có nạn trộm cướp, đánh nhau. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm

Đinh Hồ đã miêu tả khá sinh động tệ nạn này ở Thăng Long vào cuối thế kỷ XVIII: “là khu vực đông đúc nhà ở liền nhau, thường có hỏa hoạn, lại nhiều những kẻ đầy tớ nhà quan, du đảng cờ bạc, gây chuyện cãi nhau, đánh nhau cùng là những kẻ vô lại trộm cướp, nhiều lắm không thể kể xiết được” (Phạm Đình Hồ, 1989: 65). Để hạn chế tệ trộm cướp, vào các năm 1665, 1670, 1723 triều Lê - Trịnh ban chỉ dụ khuyến khích, động viên người dân tố giác người có hành vi trộm cướp. Theo đó, người dân nào hoặc bất kì ai tham gia tố giác, bắt hoặc dò được tội phạm thuộc vụ án nặng như trộm cướp giết người thì sẽ được thưởng tiền quan; nếu tham gia tố giác, bắt được tội phạm thuộc án nhẹ thì thưởng cho tiền bạc hoặc miễn trừ việc quan, bổ dụng chức quan. Ngược lại, người nào chứa, giấu thì bị khép vào tội trộm cướp, bị xử theo quy định pháp luật. Lệ định năm 1665 còn quy định cụ thể hơn về nơi người dân có thể đến tố giác người trộm cướp. Theo đó, nếu ở trong kinh thành cho phép đến tố cáo với quan Đề lĩnh; ở ngoài trấn tố cáo với các quan Trấn thủ, Lưu thủ, Tuần thủ, các quan sai nhân viên đi bắt cho được thực tang. Đến năm 1723, triều đình quy định việc bắt trộm cướp không chỉ chờ từ sự tố giác của người dân mà còn là trách nhiệm chung của quan viên các cấp. Vì vậy, yêu cầu các địa phương phải cho đặt chức quan phụ trách việc này. Cụ thể: các Ty, trấn chọn người Khán thủ để cai quản, dò xét gian phi. Nếu có xảy ra trộm cướp thì xã sở tại phải bắt ngay, xã lân cận phải ứng viện, đều lấy tiếng trống mõ làm hiệu. Nếu người Khán thủ nào lười biếng làm trái lệ không đến cứu hay đến mà chỉ đơn độc ít người, đến nỗi trộm cướp trốn thoát thì sẽ tùy từng việc mà luận tội. Song trên thực tế, nạn trộm cướp này không giảm đi mà còn tăng lên, như xứ Sơn Tây, Thái Nguyên nổi nạn trộm cướp nhiều. Chúa Trịnh đã phải sai các quan trực tiếp đi đánh dẹp.

Việc chống mê tín dị đoan như bói toán, đồng cốt... bảo vệ phong tục thuần hậu trong đời sống văn hóa nhân dân cũng được triều đình quan tâm. Vào các năm Cảnh Trị thứ 8 (1665), Vĩnh Trị 5 (1669) triều đình ban sắc dụ nghiêm cấm việc bói toán và mê tín dị đoan trong dân; nghiêm cấm người dân không dựa vào việc làm đồng cốt để nói can việc họa phúc để làm mê hoặc và dối trá dân. Nếu ai trái lệnh này thì cho phép các viên Phiên tướng, Thổ tù, Phụ đạo dẫn trình quan trên để xử đoán. Nếu các viên này vì tình riêng mà dung túng bọn dị đoan, sẽ nhất luật trị tội về sự trái lệnh.

5. Thảo luận và kết luận

Bất cứ triều đại nào trong lịch sử, chính sách xã hội (trong đó bao gồm chính sách ổn định trật tự kỷ cương, phòng chống tệ nạn xã hội) cũng được coi là một bộ phận cấu thành chính sách chung của nhà nước. Chính sách xã hội mang tính nhân đạo vì nó xuất phát từ quan hệ giữa con người với con người, chịu sự chi phối của chính sách chung. Thời Lê - Trịnh, các chính sách xã hội ra đời xuất phát từ chính tình hình thực tiễn của xã hội Đại Việt đương thời, được cụ thể hóa qua một số điều khoản, điều luật của *pháp luật, các chỉ dụ, chỉ thị của vua Lê, chúa Trịnh*, do đó nó bao quát được tất cả mọi mặt của đời sống xã hội từ quyền lợi, trách nhiệm của các giai cấp xã hội cả về quyền lợi kinh tế, xã hội đến việc đảm bảo trật tự kỷ cương, an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội. Nghĩa là trong chính sách xã hội của triều Lê - Trịnh luôn luôn gắn kết các yếu tố cơ bản: kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng.

Một trong những mục đích quan trọng của chính sách xã hội thời Lê - Trịnh là nhằm ổn định trật tự xã hội theo ý thức hệ Nho giáo, đảm bảo an ninh, quốc phòng vững mạnh, đời sống nhân dân ổn định. Bởi vậy, các chính sách về đảm bảo kỷ cương, phòng chống tệ nạn xã hội được triều Lê - Trịnh rất quan tâm. Trong đó, chú ý nhất là những quy định để giữ gìn nền phong hóa theo chuẩn mực đạo đức Nho giáo gồm xử phạt hành vi gian dân, ngược đãi vợ - chồng; gian dối, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp. Hoặc các lệnh dụ nghiêm cấm các tệ nạn xã hội gồm mê tín, dị đoan cùng các hình thức phù thủy chữa bệnh trá hình cũng được triều Lê -

Trịnh ban bố thường xuyên. Bên cạnh đó, triều Lê - Trịnh rất chú ý đến việc giữ gìn an ninh chủ quyền lãnh thổ quốc gia thông qua các chính sách cụ thể về việc quản lý việc ở, đi lại, buôn bán của người nước ngoài, chính sách trấn an vùng biên viễn. Riêng đối với vùng biên viễn, nhất là vùng dân tộc thiểu số phía Bắc luôn xảy ra những cuộc bạo động của các tù trưởng cùng thế lực thuộc dư đảng họ Mạc muốn nổi lên chống lại chính quyền họ Trịnh. Để giữ vững an ninh nơi đây, triều Lê - Trịnh đã cho xếp đặt quan chức, cắt cử các tướng lĩnh giỏi đi trấn nhậm những vùng phiên dậu, phen trấn.

Nhìn chung, trong giới hạn của nhà nước quan liêu, lấy học thuyết Nho gia làm cơ sở lý thuyết dẫn đường cho đạo trị nước, các biện pháp thực thi của triều đình Lê - Trịnh ít nhiều đã có tác dụng quan trọng vào việc giữ gìn an ninh, trật tự kỷ cương của toàn xã hội trong một thời gian nhất định, là cơ sở quan trọng để nhà nước thực thi các chính sách xây dựng, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế và các nhiệm vụ chính trị khác. Tuy nhiên, các chính sách ổn định trật tự kỷ cương, phòng chống tệ nạn xã hội của triều Lê - Trịnh được ban hành và thực hiện khi ý thức hệ Nho giáo ngày càng suy yếu, nhất là từ nửa sau thế kỷ XVIII triều Lê - Trịnh ngày càng không đủ năng lực giải quyết các khó khăn, nên nhìn chung các biện pháp đó không còn nhiều hiệu lực, tác động tiêu cực tới toàn thể xã hội. Nhưng, nếu đặt trong cả một quá trình gần hai trăm năm trị vì của vương triều Lê - Trịnh, có thể thấy, việc thực hiện các chính sách nhằm giữ gìn trật tự kỷ cương, phòng chống tệ nạn xã hội của vua Lê, chúa Trịnh đã phát huy được vai trò tích cực trong việc cải thiện đời sống nhân dân, giữ gìn trật tự xã hội, nhất là đảm bảo vững chắc chủ quyền quốc gia dân tộc trước các thế lực ngoại bang.

Tài liệu tham khảo:

- Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*. (1991). Nxb Khoa học xã hội.
- Lê Quang Chấn. (2015). *Chính sách xã hội triều Nguyễn (giai đoạn 1802 - 1884)*. [Luận án Tiến sĩ Sử học. Học viện Khoa học xã hội Việt Nam].
- Minh Tranh. (1957). *Tìm hiểu lịch sử phát triển xã hội Việt Nam*. Nxb. Văn sử địa.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư bản khắc Chính Hòa 18 (1697)*. t.3. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Đức Nhuệ. (2016). Khái quát một số chính sách trị quốc, an dân của triều đình Lê - Trịnh (thế kỷ XVII-XVIII). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 5.
- Nguyễn Minh Tường. (2011). Chính sách của triều đình Lê - Trịnh đối với dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài. *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 10.
- Nguyễn Thị Phương Chi. (2008). Đời sống xã hội, văn hóa ở kinh đô Thăng Long vào cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII. *Tạp chí Xưa và Nay*. số 7.
- Nguyễn Sĩ Giác. (1961). *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*. Sài Gòn, Luật khoa đại học.
- Nguyễn Thị Thanh Tùng, Phạm Ngọc Trang. (2014). Ứng đối của chính quyền Lê - Trịnh với hoạt động của người phương Tây ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 6.
- Nguyễn Thừa Hỷ (Chủ biên, 2010). *Tuyển tập tư liệu phương Tây*. Nxb. Hà Nội.
- Phạm Đình Hồ. (1989). *Vũ Trung tùy bút*. Nxb Trẻ. Hội nghiên cứu giảng dạy văn học. Tp. Hồ Chí Minh.
- Phạm Thị Thùy Vinh. (2003). *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Phan Huy Chú. (2006). *Lịch triều hiến chương loại chí*. t.2. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2017). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. t.2. Nxb Giáo dục.